TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM ĐẢO** **TỈNH VĨNH PHÚC** Bản án số:25/2019/HNGĐ-ST Ngày 26 tháng 8 năm 2019 "V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Vân Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Hoàng Bích Ngọc;

- Bà Nguyễn Thị Nhẫn.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hải Yến, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn La, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2019/TLST - HNGĐ ngày 8 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lương Thị N, sinh năm 1982 (có mặt)

Trú tại: Thôn Q, xã Y, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn Q, xã Y, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/7/2019 và những lời khai trong quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lương Thị N trình bày:

Chị và anh Phạm Văn T kết hôn ngày 29 tháng 9 năm 2003 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện L (nay là huyện T), tỉnh Vĩnh Phúc. Trong quá trình chung sống tình cảm vợ chồng ban đầu bình thường sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, anh T hay đánh đập chị, có lần dùng ghế gỗ đánh vào đầu chị, có lần đánh chị gãy một ngón tay giữa. Chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở nhiều lần, lần gần đây nhất từ tháng 8 năm 2018. Hai vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình

cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tạo.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Phạm Thị T, sinh ngày 03/7/2004 và cháu Phạm Thị Kim H, sinh ngày 28/9/2009. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 cháu và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bị đơn là anh Phạm Văn T không có mặt tại phiên tòa.Tuy nhiên tại bản tự khai cũng như quá trình làm việc tại Tòa án anh trình bày: Anh thừa nhận về thời gian kết hôn, đăng ký kết hôn và quá trình chung sống như lời trình bày của nguyên đơn là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, do làm ăn kinh tế. Anh thừa nhận có hành vi tát chị N và thỉnh thoảng hai vợ chồng có cãi vã, chị N bỏ đi từ tháng 8 năm 2018 đến nay không về nhà, hai vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, chị N không quan tâm gì đến gia đình. Nay chị N xin ly hôn, anh không đồng ý vì thương con.

Về con chung: Bị đơn xác nhận vợ chồng có 02 con chung như chị N trình bày là đúng. Ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi 01 con và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ, đất canh tác và công sức: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị N được ly hôn anh T; giao cháu Phạm Thị Kim H, sinh ngày 28/9/2009 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Thị T, sinh ngày 03/7/2004. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, tài sản riêng và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lương Thị N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn T, anh T có nơi cư trú tại xã Y, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng cố tình vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị N và anh Phạm Văn T kết hôn với nhau ngày 29 tháng 9 năm 2003 trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn do luật định nên quan hệ hôn nhân này là hợp pháp. Trong quá trình chung sống tình cảm vợ chồng bình thường sau đó phát sinh mâu thuẫn. Theo chị N khai nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, anh T hay đánh đập chị, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở nhiều lần, vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 8 năm 2018 đến nay không quan tâm gì đến nhau. Theo anh T nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, do làm ăn kinh tế dẫn đến cãi vã, xô sát. Phía chị N khẳng định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị được ly hôn với anh T. Phía anh T không đồng ý ly hôn nhưng trong quá trình sống ly thân anh T cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy giữa chị N và anh T không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau, điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị N và anh T được ly hôn là phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị N và anh T thừa nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Thị T, sinh ngày 03/7/2004 và cháu Phạm Thị Kim H, sinh ngày 28/9/2009, hiện hai cháu đang ở cùng anh T. Ly hôn, chị N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, giáo dục cả hai con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng, anh T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, giáo dục một con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng. Xét nguyện vọng xin nuôi con của các bên là chính đáng, tuy nhiên xét thấy cháu H còn nhỏ, cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của người mẹ nhiều hơn nên cần giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu H còn anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu T. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ, công sức và đất canh tác: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị N được ly hôn với anh Phạm Văn T.

2.Về con chung: Giao cho chị Lương Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Thị Kim H, sinh ngày 28/9/2009, anh Phạm Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Thị T, sinh ngày 03/7/2004 (Hiện nay cháu T và cháu H đang ở cùng anh T). Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở, gây khó khăn.

3. Về án phí: Chị Lương Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm nhưng được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0001166 ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Đảo. Xác nhận chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tam Đảo;
-Chi cục THADS huyện Tam Đảo;
-UBND xã Yên Dương, huyện Tam Đảo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Vân Hồng

Các Hội thẩm nhân dân	**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**
Hoàng Bích Ngọc- Nguyễn Thị Nhẫn	**Vũ Thị Vân Hồng**
Các Hội thẩm nhân dân	**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**
Lê Mạnh Quỳnh- Lê Thị Chiên	**Vũ Thị Vân Hồng**